

-----  
Bản án số: 334/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 30/12/2021.  
V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP B-TỈNH ĐỒNG NAI**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phú

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Ông Trần Văn Chánh

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Văn Thanh -Cán bộ Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đồng Nai.

***-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP. B:*** Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP B có mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1930/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 302/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021.

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bích T, sinh năm 1980

Trú tại: 188/1, tổ 9, khu phố 2, phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Anh V, sinh năm 1976

Trú tại: 188/1, tổ 9, khu phố 2, phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T, ông V có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\*Theo đơn khởi kiện ngày 15/9/2021, các lời khai tại hồ sơ bà Trần Thị Bích T trình bày:**

Bà và ông V kết hôn với nhau năm 2003 hôn nhân tự nguyện có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, TP. B cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống của hai vợ chồng không thống nhất. Từ đó hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột và không còn tôn trọng nhau. Nay xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông V để trả tự do cho nhau.

**Về con chung:** Có 02 hai con chung:

1/Nguyễn Trần Anh S, sinh ngày: 23/4/2007

2/Nguyễn Trường G, sinh ngày: 11/12/2009.

Sau khi ly hôn bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con. Tạm thời bà không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

**Về tài sản chung:** Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

**Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

**\*Tại bản tự khai ngày 30/11/2020, bị đơn ông Nguyễn Anh V trình bày:**

Ông và bà T kết hôn với nhau năm 2003, hôn nhân tự nguyện có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, TP. B cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống của hai vợ chồng không thống nhất. Từ đó hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột và không còn tôn trọng nhau. Nay xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên bà T làm đơn xin được ly hôn với ông thì ông cũng đồng ý ly hôn để trả tự do cho nhau.

**Về con chung:** Có 02 hai con chung:

1/Nguyễn Trần Anh S, sinh ngày: 23/4/2007

2/Nguyễn Trường G, sinh ngày: 11/12/2009.

Sau khi ly hôn bà T xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con thì ông cũng đồng ý. Tạm thời ông không cấp dưỡng nuôi con.

**Về tài sản chung:** Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

**Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

**[1]Về thủ tục tố tụng:**

Bà **Trần Thị Bích T** và ông **Nguyễn Anh V** kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Nay có đơn xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, Tòa án nhân dân thành phố B đã thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét bà **Trần Thị Bích T** là nguyên đơn trong vụ án, ông **Nguyễn Anh V** là bị đơn có đơn xin vắng mặt xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

**Về Nội dung vụ án:**

Hội đồng xét xử xét thấy:

**[1]Về quan hệ hôn nhân:** Bà **Trần Thị Bích T** và ông **Nguyễn Anh V** kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Bà T, ông V sau khi kết hôn, chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Hiện tại

hai vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau. Bà T xin ly hôn, ông V cũng đồng ý ly hôn và đề nghị không hòa giải. Vì vậy có căn cứ chấp nhận đơn xin ly hôn của bà [Trần Thị Bích T](#).

**[2]Về con chung:** Có 02 hai con chung:

1/Nguyễn Trần Anh S, sinh ngày: 23/4/2007

2/Nguyễn Trường G, sinh ngày: 11/12/2009.

Bà T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Ông V cũng đồng ý để bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con, tạm thời ông không cấp dưỡng nuôi con.

Nguyện vọng của hai cháu Nguyễn Trần Anh Sơn và Nguyễn Trường Giang là được sống chung với mẹ.

Như vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của bà Trần Thị Bích T.

Sau khi ly hôn, giao cả hai cháu Nguyễn Trần Anh S và Nguyễn Trường G cho bà Trần Thị Bích T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông V được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

**[3]Về tài sản chung:** Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

**[4]Về nợ chung:** Khai không có nên không đặt ra xem xét.

**[5] Về án phí HNGĐ-ST:** Bà [Trần Thị Bích T](#) phải chịu tiền án phí xin ly hôn là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà [Trần Thị Bích T](#).

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho ly hôn giữa bà [Trần Thị Bích T](#) và ông [Nguyễn Anh V](#)

- **Về con chung:** Có 02 hai con chung:

1/Nguyễn Trần Anh S, sinh ngày: 23/4/2007

2/Nguyễn Trường Gg, sinh ngày: 11/12/2009.

Giao cả hai cháu Nguyễn Trần Anh S và Nguyễn Trường G cho bà Trần Thị Bích T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông Nguyễn Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông V được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở, vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra để xem xét.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Bích T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị Bích T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000430 ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

-Tòa án tỉnh;

-VKSND Tp B;

-Các đương sự;

-Thi hành án;

-Lưu hồ sơ, Vp.

-Cơ quan đã thực hiện  
việc đăng ký kết hôn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Phú**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán- Chủ Tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;
- VKSND Tp B;
- Các đương sự;
- Thị hành án;
- Lưu hồ sơ, Vp.
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Phú**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**